

Bản án số: **57/2025/HS-ST**
Ngày 16- 04 - 2025

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Đô.

Ông Dương Công Tuý.

Ông Kiều Minh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Trương Kim Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 66/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 03 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc A (tên gọi khác: Không), sinh năm 1989 tại tỉnh NA; nơi đăng ký thường trú: 154/4, khu phố 2, phường TM, T phố BH, tỉnh ĐN; nơi sinh sống: Số 01, đường An Mỹ 3, phường AHT, quận ST, T phố ĐN; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình P (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959; có chồng tên Phạm Trường G, sinh năm 1989 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền sự; tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 21/5/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà, T phố Đà Nẵng khởi tố về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 25/2024/QĐ-THXC ngày 13/02/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A: Luật sư Vũ Gia Kiên -Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai; nơi làm việc: Công ty luật TNHH Tâm Trí Đạo. Địa chỉ: J72 khu phố 1, phường Bửu Long, T phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị hại:**

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1992;
Địa chỉ: số nhà 337/339, Đại Lộ BD, phường CN, Thành phố TDM, tỉnh BD(Số điện thoại: 0972.801.611).
2. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1964;
Địa chỉ: Số nhà 291, đường HBB, khu phố 4, phường LB, Thành phố BH, tỉnh ĐN. (Số điện thoại: 0908.348.110).
3. Ông Nguyễn Đỗ Trí T, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Số A38N9, khu phố 7, phường TN, Thành phố BH, tỉnh ĐN(Số điện thoại 0937.605.878).
4. Bà Tống Mỹ V, sinh năm 1993; Địa chỉ: khu phố 4B, phường TD, Thành phố BH, tỉnh ĐN (Số điện thoại 0989.561.848).
5. Ông Tạ Văn T, sinh năm 1989;
Địa chỉ: E601B, khu phố 5, phường LB, Thành phố BH, tỉnh ĐN(Số điện thoại 0938.483.535).
6. Ông Tạ Văn T, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Số nhà 123, khu phố 1, phường BL, Thành phố BH, tỉnh ĐN (Số điện thoại 0782.222212).
7. Ông Nguyễn Nguyên Q, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Tổ 8, khu phố Long Khánh 1, phường TP, Thành phố BH, tỉnh ĐN(Số điện thoại: 0981.941.239).
8. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn 5, xã TL, Huyện TX, tỉnh TH(Số điện thoại: 0352.644.337).
9. Bà Phạm Thị Nguyệt N, sinh năm 1991;
Địa chỉ: khu phố 5A, phường TD, Thành phố BH, tỉnh ĐN (Số điện thoại: 0988.088.720).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Ông Tăng Quang H, sinh năm 1994;
Địa chỉ: khu phố 6, phường TN, Thành phố BH, tỉnh ĐN(Số điện thoại: 0933.524.533).
 - + Ông Phạm Trường G, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Số 1034, đường NAQ, phường TD, Thành phố BH, tỉnh ĐN (Số điện thoại: 0972.030.709).
- (Bị cáo A; các bị hại: Ông T, bà H, bà V, ông T, ông T, bà Q, bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H có mặt; Ông T, ông Q, ông G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính: Để có tiền tiêu xài cá nhân, trong thời gian từ đầu tháng 9/2021 đến tháng 01/2022, Nguyễn Thị Ngọc A lợi dụng là nhân viên của Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một Thành viên Đại Dương- chi nhánh tỉnh Đồng Nai (Ngân hàng OceanBank), địa chỉ: đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố

Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn Ngọc A đưa ra thông tin gian dối dưới hình T làm dịch vụ thanh toán khoản vay tới hạn, gia hạn thời gian vay (đáo hạn ngân hàng), Ngọc A cam kết từ 3 ngày đến 10 ngày sẽ chia lợi nhuận và trả tiền cho người cho vay, để người cho vay tin tưởng cho Ngọc A vay tiền rồi chiếm đoạt, cụ thể:

Vụ thứ 1: Do quen biết với ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1992, nơi thường trú tại: khu phố PS, phường PB, thị xã PL, tỉnh BP nên vào ngày 08/12/2021, Nguyễn Thị Ngọc A nói dối với ông T cần vay số tiền 600.000.000 đồng để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Do tin tưởng là thật nên vào ngày 08 và 10/12/2021, ông T đã cho Ngọc A vay số tiền 600.000.000 đồng, số tiền này Ngọc A đã chiếm đoạt sử dụng và tiêu xài hết.

Vụ thứ 2: Do quen biết với bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1964, nơi thường trú tại: số 291, khu phố 4, phường LB, Thành phố BH, tỉnh ĐN nên cuối tháng 12/2021, Nguyễn Thị Ngọc A nói dối với bà H cần vay số tiền 250.000.000 đồng để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Do tin tưởng là thật nên vào ngày 29/12/2021, bà H đã cho Ngọc A vay số tiền 250.000.000 đồng, số tiền này Ngọc A đã chiếm đoạt sử dụng và tiêu xài hết.

Vụ thứ 3: Do quen biết với ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1993, nơi thường trú tại: số 123, khu phố 1, phường BL, Thành phố BH, tỉnh ĐN nên cuối tháng 12/2021, Nguyễn Thị Ngọc A nói dối với ông T cần vay số tiền 270.000.000 đồng để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Do tin tưởng là thật nên vào ngày 30/12/2021, ông T đồng ý cho Ngọc A vay số tiền 270.000.000 đồng, Ngọc A đã chiếm đoạt sử dụng và tiêu xài hết.

Vụ thứ 4: Đầu tháng 01/2022, Nguyễn Thị Ngọc A tiếp tục nói dối với ông T là cần vay thêm số tiền 300.000.000 đồng để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng, tin tưởng là thật nên ông T đồng ý cho Ngọc A vay. Do không đủ tiền nên ông T rủ ông Tăng Quang H (là bạn của A T), sinh năm 1994, nơi thường trú tại: khu phố 6, phường TN, Thành phố BH, tỉnh ĐN cùng góp tiền với ông T để cho Ngọc A vay tiền. Ngày 05/01/2022, ông H đã chuyển khoản cho ông T 150.000.000 đồng, ông T bỏ thêm 150.000.000 đồng rồi cho Ngọc A vay số tiền 300.000.000 đồng, số tiền này Ngọc A đã chiếm đoạt sử dụng và tiêu xài hết.

Vụ thứ 5: Nguyễn Thị Ngọc A tiếp tục nói dối ông T cần vay thêm 250.000.000 đồng để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Tin tưởng là thật nên vào ngày 10/01/2022, ông T đã chuyển cho Ngọc A vay tiếp số tiền 250.000.000 đồng, số tiền này Ngọc A đã chiếm đoạt sử dụng và tiêu xài hết.

Vụ thứ 6: Do quen biết với bà Tống Mỹ V, sinh năm 1994, nơi thường trú tại: khu phố 4B, phường TD, Thành phố BH, tỉnh ĐN nên đầu tháng 01/2022, Nguyễn Thị Ngọc A nói dối với bà V cần vay 650.000.000 đồng để kinh doanh A. Tin tưởng là thật nên vào ngày 05/01/2022, bà V đã cho Ngọc A vay số tiền 650.000.000 đồng, số tiền này, Ngọc A đã chiếm đoạt sử dụng và tiêu xài hết.

Vụ thứ 7: Cuối năm 2021, ông Nguyễn Nguyên Q, sinh năm 1975, nơi thường trú tại: Tổ 8, khu phố LK 1, phường TP, Thành phố BH, tỉnh ĐN đến Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một T viên Đại Dương (Ngân hàng OceanBank) - chi nhánh

tỉnh Đồng Nai để mở tài khoản và làm hồ sơ vay tiền. Nguyễn Thị Ngọc A là nhân viên tín dụng và được giao lập hồ sơ cho ông Q vay tiền nên biết ông Q. Do quen biết với ông Nguyễn Đỗ Tri T, sinh 1993, nơi thường trú: A38N9, khu phố 7, phường PT, Thành phố BH, tỉnh ĐN, Ngọc A nói dối với ông T biết là ông Q đang vay tiền của Ngân hàng Oceanbank - Chi nhánh Đồng Nai, hiện đã đến thời gian đáo hạn nhưng ông Q không có tiền để làm thủ tục đáo hạn, Ngọc A hỏi vay của ông T số tiền 985.000.000 đồng để làm thủ tục đáo hạn cho ông Q, đồng thời Ngọc A gửi số tài khoản của ông Q mở tại Ngân hàng Oceanbank cho ông T. Tin tưởng là thật nên ngày 05/01/2022, ông T đã chuyển số tiền 985.000.000 đồng vào tài khoản của ông Q và báo cho Ngọc A biết là đã chuyển tiền.

Sau đó, Ngọc A nói dối với ông Q mượn tài khoản của ông Q để bạn của Ngọc A chuyển tiền vào và nhờ ông Q rút số tiền trên đưa cho Ngọc A, Tin tưởng là thật nên ông Q đã rút hết số tiền trên đưa cho Ngọc A. Số tiền này Ngọc A đã chiếm đoạt sử dụng và tiêu xài hết.

Vụ thứ 8: Sau khi quen biết và tạo dựng mối quan hệ với ông Q, Ngọc A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Q nên nói dối với ông Q cho A vay số tiền 550.000.000 đồng. Ông Q tin tưởng Ngọc A là nhân viên của Ngân hàng Oceanbank nên vào ngày 06/01/2022 và 07/01/2022, ông Q đã hai lần chuyển tiền cho A vay, lần thứ nhất chuyển số tiền 300.000.000 đồng và lần thứ hai chuyển số tiền 250.000.000 đồng, tổng cộng ông Q chuyển cho Ngọc A số tiền 550.000.000 đồng. Số tiền này Ngọc A đã chiếm đoạt sử dụng và tiêu xài hết.

Vụ thứ 9: Do quen biết với ông Tạ Văn T, sinh 1989, nơi thường trú tại: E601, khu phố 5, phường LB, Thành phố BH, tỉnh ĐN nên đầu tháng 01/2022, Ngọc A nói dối với ông T cho A vay số tiền 300.000.000 đồng để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Tin tưởng là thật nên vào ngày 10/01/2022, ông T đã cho Ngọc A vay số tiền 300.000.000 đồng. Số tiền này Ngọc A đã chiếm đoạt sử dụng và tiêu xài hết.

Vụ thứ 10: Do quen biết với bà Lê Thị Q, sinh 1997, nơi thường trú tại: Xã TL, huyện TX, tỉnh TH nên Ngọc A nói dối với bà Q đưa tiền cho A để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Tin tưởng là thật nên bà Q đã nhiều lần chuyển tiền cho Ngọc A. Để tạo sự tin tưởng và chiếm đoạt được nhiều tiền của bà Q, trong thời gian đầu Ngọc A đã trả tiền gốc và hoa hồng cho bà Q đầy đủ và đúng hạn. Thời gian sau đó, Ngọc A chuyển cho bà Q tiền hoa hồng cùng một phần tiền tiền gốc với lý do để tiếp tục làm hồ sơ đáo hạn cho những hợp đồng tiếp theo, đồng thời tiếp tục đề nghị bà Q chuyển thêm tiền cho Ngọc A để làm các hồ sơ đáo hạn khác. Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 27/12/2021, bà Q đã chuyển cho A tổng số tiền là 22.337.875.000 đồng. Ngọc A đã trả cho bà Q tổng số tiền là 20.156.865.000 đồng, còn lại số tiền 2.181.010.000 đồng, Ngọc A không làm thủ tục đáo hạn mà chiếm đoạt sử dụng và tiêu xài hết.

Vụ thứ 11: Do quen biết với bà Phạm Thị Nguyệt N, sinh 1991, nơi thường trú tại: khu phố 2, phường TD, Thành phố BH, tỉnh ĐN nên Ngọc A nói dối với bà N đưa tiền cho A để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Ngọc A sử dụng thủ đoạn như đã thực hiện đối với bà Q. Tin tưởng nên từ ngày 28/9/2021 đến ngày 17/01/2022, bà N đã đưa cho A tổng số tiền là 30.584.827.000 đồng, ông, A trả lại cho bà N tổng số tiền 21.046.664.000 đồng, số tiền còn lại 9.538.163.000 đồng, Ngọc A không làm thủ tục

đạo hạn mà chiếm đoạt sử dụng và tiêu xài hết. Quá trình điều tra Nguyễn Thị Ngọc A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng vụ án:

- Hợp đồng vay tiền, ngày 29/12/2021, bà Nguyễn Thị Minh H cho Nguyễn Thị Ngọc A vay số tiền 250.000.000 đồng .

- Hợp đồng vay tiền, ngày 05/01/2022, bà Tống Mỹ V cho Nguyễn Thị Ngọc A vay số tiền 650.000.000 đồng .

- Hợp đồng vay tiền, ngày 14/01/2022, bà Lê Thị Q cho Nguyễn Thị Ngọc A vay số tiền 2.610.000.000 đồng .

- Hợp đồng vay tiền, ngày 13/01/2022, bà Phạm Thị Nguyệt N cho Nguyễn Thị Ngọc A vay số tiền 20.400.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 2381/KL-KTHS ngày 16/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Ngọc A trên các tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Ngọc A trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) do cùng một người ký và viết ra.

2. Cáo trạng và trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Tại Cáo trạng số: 31/CT-VKSĐN-P2 ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Áp dụng khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A mức án từ 18 năm đến 20 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A bồi thường cho ông Nguyễn Minh T số tiền 600.000.000 đồng, cho ông Nguyễn Hoàng ThA số tiền 820.000.000 đồng, bà Tống Mỹ V số tiền 400.000.000 đồng, cho ông Nguyễn Đỗ Trí T số tiền 985.000.000 đồng, ông Nguyễn Nguyên Q số tiền 350.000.000 đồng, bà Lê Thị Q số tiền 2.181.010.000 đồng và bà Phạm Thị Nguyệt N số tiền 9.038.163.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Minh H không yêu cầu bị cáo A bồi thường số tiền 250.000.000 đồng, ông Tạ Văn T không yêu cầu bị cáo A bồi thường số tiền 300.000.000 đồng nên đề nghị ghi nhận.

3. Ý kiến của Luật sư Vũ Gia Kiên bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A:

Luật sư thống nhất với tội danh Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố; về bồi thường: Bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả, bị cáo mất khả năng thA toán chứ không PH bị cáo cố tình không trả, nếu có điều kiện bị cáo đã trả cho các bị hại đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo; về tình tiết giảm nhẹ: Thống nhất các tình tiết giảm nhẹ của Viện kiểm sát đã nêu; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn hiện đang nuôi con nhỏ, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ông Nguyễn Đỗ Trí T, ông Nguyễn Nguyên Q và ông Phạm Trường G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt ông T, ông Q và ông G.

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

[2] Về tội dA truy tố: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Akhai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả: Để có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Thị Ngọc A lợi dụng dA nghĩa là nhân viên của Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một T viên Đại Dương- chi nhánh tỉnh Đồng Nai (Ngân hàng OceanBank) đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin giả làm dịch vụ thA toán khoản vay tới hạn, gia hạn thời gian vay (đáo hạn ngân hàng). Với cách T, thủ đoạn trên, trong thời gian từ đầu tháng 9/2021 đến tháng 01/2022, Nguyễn Thị Ngọc A đã 11 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng cộng 15.874.173.000 đồng của 09 bị hại, cụ thể: chiếm đoạt của ông Nguyễn Minh T số tiền 600.000.000 đồng, của bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 250.000.000 đồng, của ông Nguyễn Hoàng ThA số tiền 820.000.000 đồng, của chị Tống Mỹ V số tiền 650.000.000 đồng, của ông Nguyễn Đỗ Trí T 985.000.000 đồng, của ông Nguyễn Nguyên Q số tiền 550.000.000 đồng, của ông Tạ Văn T số tiền 300.000.000 đồng, của bà Lê Thị Q số tiền 2.181.010.000 đồng và của bà Phạm Thị Nguyệt N số tiền 9.538.163.000 đồng. Bị can Ngọc A đã bồi thường cho bà Tống Mỹ V số tiền 250.000.000 đồng, cho ông Nguyễn Nguyên Q số tiền 200.000.000 đồng, cho bà Phạm Thị Nguyệt N số tiền 500.000.000 đồng. Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A đã 11 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tổng cộng: 15.874.173.000 đồng thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và lợi dụng chức vụ, quyền hạn theo quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.1. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục được 01 phần hậu quả, hiện nay bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.2. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Xét tính chất và mức độ thực hiện hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, bị cáo là nhân viên Ngân hàng OceanBank đã lợi dụng lòng tin của khách hàng và người quen đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản số tiền rất lớn của nhiều người. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo đồng thời đề rắn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A pH bồi thường cho ông Nguyễn Minh T số tiền 600.000.000 đồng, cho ông Nguyễn Hoàng ThA số tiền 820.000.000 đồng, bà Tống Mỹ V số tiền 400.000.000 đồng, cho ông Nguyễn Đỗ Trí T số tiền 985.000.000 đồng, ông Nguyễn Nguyên Q số tiền 350.000.000 đồng, bà Lê Thị Q số tiền 2.181.010.000 đồng và bà Phạm Thị Nguyệt N số tiền 9.038.163.000 đồng. Tổng số tiền pH bồi thường: 14.374.173.000 đồng.

Tại phiên toà bà Nguyễn Thị Minh H không yêu cầu bị cáo pH bồi thường số tiền 250.000.000 đồng, ông Tạ Văn T không yêu cầu bị cáo pH bồi thường số tiền 300.000.000 đồng nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 122.374.173 đồng (làm tròn: 122.374.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội dA:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A **17 (Mười bảy)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A vào cơ sở giam giữ để chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A pH bồi thường cho ông Nguyễn Minh T số tiền

600.000.000 đồng; ông Nguyễn Hoàng T số tiền 820.000.000 đồng; bà Tống Mỹ V số tiền 400.000.000 đồng; cho ông Nguyễn Đỗ Trí T số tiền 985.000.000 đồng; ông Nguyễn Nguyên Q số tiền 350.000.000 đồng; bà Lê Thị Q số tiền 2.181.010.000 đồng và bà Phạm Thị Nguyệt N số tiền 9.038.163.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện bà Nguyễn Thị Minh H không yêu cầu bị cáo pH bồi thường số tiền 250.000.000 đồng, ông Tạ Văn T không yêu cầu bị cáo pH bồi thường số tiền 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người pH thi hành án chưa thA toán số tiền nêu trên, thì còn pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UB.TVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A pH nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 122.374.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A và các bị hại gồm: Ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hoàng ThA, bà Tống Mỹ V, ông Tạ Văn T, bà Lê Thị Q, bà Phạm Thị Nguyệt N, ông Tăng Quang H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Đỗ Trí T, ông Nguyễn Nguyên Q, ông Phạm Trường G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại T phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai (Phòng PC04);
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Các bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên

